



tiáo wèi

调味

verb · to season / to flavor

Example Sentences

Zuò tāng de shí hòu xū yào tiáo wèi

做汤的时候需要调味。

You need to season the soup when making it.

Zhè dào cài tiáo wèi tài zhòng le

这道菜调味太重了。

This dish is too heavily seasoned.

Trace each character, then write the word on your own.

调	调	调	调	调	调	调	调	调	调	调
调	调									
味	味	味	味	味	味	味	味	味	味	味